

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 08-5-2025

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Yến

2. Ông Đặng Văn Châu

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Yến Nhi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà, số 11/2025/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Thịnh - Sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Người được nguyên đơn uỷ quyền:* Bà Mã Thị Kỳ, sinh năm 1985, địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Thức - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn Thịnh trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 08/6/2022 (dương lịch), ông cho anh Thức vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), hẹn ít hôm trả; về lãi suất thoả thuận miệng. Về số tiền nợ vay anh Thức trả cho ông được 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) vào tháng 5/2023. Số nợ gốc anh Thức còn nợ là 100.000.000đ; tiền lãi: Tháng 5/2023, anh Thức trả được 16.700.000đ (*Mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*). Từ đó đến nay anh Thức không có động thái trả nợ, chây ì, trốn tránh nghĩa vụ. Để đảm bảo quyền lợi, ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Thức trả số tiền nợ gốc còn nợ là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); lãi suất: Buộc anh Thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cụ thể:

- Từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023 là 12 tháng, cụ thể: $200.000.000đ \times 1,67\% \times 12 \text{ tháng} = 40.080.000đ - 16.700.000đ \text{ (lãi đã trả)} = 23.380.000đ$.

- Từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2024 là 18 tháng, cụ thể: $100.000.000đ \times 1,67\% \times 18 \text{ tháng} = 30.060.000đ$.

Tổng cộng: tiền gốc là 100.000.000đ; lãi là 53.440.000đ và tiền lãi phát sinh, mức tính từ 1,67%/tháng từ 09/12/2024 đến khi vụ án được giải quyết xong.

* *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Bà giữ nguyên yêu cầu về việc buộc anh Thức trả nợ gốc, nợ lãi cho ông Thịnh. Việc anh Thức trình bày đã trả nợ cho ông Thịnh trong vòng 30 tháng tính đến tháng 12 năm 2024, mỗi tháng trả 13.000.000đ, đề nghị anh Thức xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh. Thực tế, tháng 11 năm 2024 ông Thịnh đã đến văn phòng luật sư của bà để đề nghị làm thủ tục khởi kiện với anh Thức và vẫn khẳng định anh Thức còn nợ tiền gốc 100.000.000đ; về lãi suất: anh Thức thanh toán cho ông được số tiền là 16.700.000đ. Việc yêu cầu tiến hành đối chất giữa anh Thức và ông Thịnh, bà nhất trí. Về tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ và trả nợ, ông Thịnh đã nộp kèm theo đơn khởi kiện cho Tòa án.

* Đối với bị đơn anh Phạm Văn Thức trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên anh có vay của ông Thịnh số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Khi vay ông Thịnh có viết giấy vay nợ và anh ký, trên giấy không ghi lãi suất và thời hạn trả. Thực tế hai bên thoả thuận mỗi tháng trả 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), trả trong thời hạn 30 tháng. Từ khi vay đến tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2024, mỗi tháng anh trả cho ông Thịnh 13.000.000đ (cả lãi và gốc). Thời gian anh trả vào ngày 07 hoặc 08 hàng tháng. Khi trả anh trả tiền mặt cho ông Thịnh, không có ai chứng kiến, anh biết ông Thịnh có ghi số tiền anh trả vào sổ của ông Thịnh. Ông Thịnh yêu cầu anh trả số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), tiền lãi tính đến tháng 01 năm 2025 là 53.440.000đ (*Năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) và lãi suất phát sinh từ tháng 02/2025 đến khi vụ án giải quyết xong đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng với lãi suất 1.67%/tháng, là anh không đồng ý, với lý do:

+ Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thịnh, vì từ khi vay đến nay mỗi tháng anh đã trả cho ông Thịnh số tiền 13.000.000đ, số tiền gốc và lãi tính ra anh đã trả đủ cho ông Thịnh.

+ Anh đề nghị Tòa án tiến hành đối chất để làm rõ số tiền ông Thịnh đã nhận của anh nợ và yêu cầu ông Thịnh cung cấp sổ ghi chép vay, trả nợ giữa anh và ông Thịnh.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không thể thoả thuận được nội dung yêu cầu. Anh Thức đề nghị Tòa án cho đối chất với ông Thịnh để làm sáng tỏ việc nhận tiền trả, việc ghi chép liên quan đến trả nợ của anh với ông Thịnh.

* Ngày 06/3/2025, Tòa án tiến hành đối chất giữa các đương sự. Kết quả đối chất như sau:

- Về số tiền nợ gốc: Hai bên thống nhất anh Thức có vay ông Thịnh, số tiền 200.000.000đ;

- Về thời hạn vay và trả:

+ Ông Thịnh trình bày: Khi vay hai bên thoả thuận là vay ít ngày, nếu không trả đúng hạn thì phải trả lãi, tính từ ngày vay.

+ Anh Thức trình bày: Lãi suất hai bên thoả thuận miệng, trả 13.000.000đ, gồm: tiền lãi và gốc mỗi tháng; thời hạn trả trong vòng 30 tháng. Kể từ khi vay anh đã trả được 27 tháng x 13.000.000đ/tháng

- Số tiền gốc và lãi hai bên đã trả và nhận:

+ Ông Thịnh trình bày: Tiền gốc đã nhận từ anh Thức là 100.000.000đ; tiền lãi ông nhận 05 tháng là 16.700.000đ. Ông không ghi chép vào sổ sách.

+ Anh Thức trình bày: Tổng số tiền anh trả 13.000.000đ, trong đó tiền lãi trả là 8.000.000đ/tháng x 27 tháng = 216.000.000đ; tiền gốc là 5.000.000đ/tháng x 27 tháng = 135.000.000đ. Việc trả nợ, ông Thịnh có ghi vào sổ vay cá nhân của ông.

- Số tiền còn nợ và buộc phải thanh toán:

+ Ông Thịnh yêu cầu anh Thức thanh toán: tiền gốc còn 100.000.000đ; tiền lãi 53.440.000 đồng và lãi suất phát sinh như đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Anh Thịnh chỉ đồng ý còn nợ và thanh toán: nợ tiền gốc là 3 tháng, số tiền là 15.000.000đ; tiền lãi là 24.440.000đ và lãi suất phát sinh đề nghị giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, anh Thức trình bày: anh Đồng, vợ anh Đồng và anh rể anh có đôi lần mang tiền trả cho ông Thịnh thay anh. Anh đề nghị đưa họ vào tham gia trong vụ án để làm sáng tỏ.

* Theo thông báo số 02/TB-TA, ngày 20/3/2025 Toà án đề nghị anh Thức cung cấp các nội dung liên quan, gồm: Yêu cầu cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc anh, anh Đồng, vợ anh Đồng (chị Hương), anh rể (anh Đỉnh) trả nợ cho ông Thịnh? Số tiền cụ thể mỗi lần trả? Yêu cầu đưa ai (ghi rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng; đồng thời xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc họ chứng kiến hai bên giao và nhận tiền hoặc giấy tờ ghi nhận việc họ biết sự việc?

Hết thời hạn yêu cầu cung cấp chứng cứ, anh Thức không có đơn yêu cầu cũng như tài liệu gì chứng minh.

* Ngày 09 tháng 4 năm 2025, ông Thịnh có đơn trình bày bổ sung: Về tiền nợ gốc còn 100.000.000đ, buộc anh Thức phải thanh toán cho ông:

- Về lãi suất: mức lãi suất ông đồng ý tính là 0,83%/tháng, cụ thể:

+ Số tiền gốc vay 200.000.000đ (tính từ ngày 08/6/2022 đến 31/5/2023 là 11 tháng 22 ngày: $200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11 \text{ tháng} + 200.000.000đ \times 0,028\%/ngày \times 22 \text{ ngày} = 19.492.000đ$

+ Số tiền 100.000.000đ (tính từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày xét xử 23/4/2025 là 22 tháng 23 ngày: $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 \text{ tháng} + 100.000.000đ \times 0,028\%/ngày \times 23 \text{ ngày} = 18.904.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi anh Thức phải trả cho ông là 38.396.000đ, trừ đi số tiền lãi anh Thức đã thanh toán 16.700.000đ, anh Thức phải trả số tiền lãi là 21.696.000đ.

Như vậy, anh Thức phải thanh toán tổng số tiền là 121.696.000đ, trong đó tiền nợ gốc còn 100.000.000 đồng; tiền lãi tính đến hết ngày 23/4/2025 là 21.696.000đ. Trường hợp, ngày 23/4/2025 hoãn phiên tòa thì ông yêu cầu anh Thức tiếp tục trả thêm lãi từ ngày 24/4/2024 đến khi vụ án được giải quyết xong theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù anh Thức đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thịnh vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Đối với bị đơn, anh Thức được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Thức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

* Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn: Theo giấy vay tiền, viết tay, đề ngày 08/6/2022 (dương lịch), anh Thức vay nóng ông Thịnh số tiền 200.000.000đ, thời hạn trả: hẹn ít hôm gửi ông bà. Quá trình vay anh Thức trả được 100.000.000đ vào tháng 5/2023; số tiền gốc còn nợ ông Thịnh là 100.000.000đ. Ông yêu cầu anh Thức trả tiền nợ gốc còn lại 100.000.000đ; về lãi suất: ông thay đổi mức lãi suất từ 1,67% xuống mức lãi là 0,83%/tháng và mốc thời gian tính lãi như sau:

+ Số tiền gốc vay 200.000.000đ (tính từ ngày 08/6/2022 đến 31/5/2023) là 11 tháng 22 ngày: $200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11 \text{ tháng} + 200.000.000đ \times 0,028\%/ngày \times 22 \text{ ngày} = 19.492.000đ$.

+ Số tiền 100.000.000đ (tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử 08/5/2025) là 23 tháng 07 ngày (tính tròn 23 tháng): $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 23 \text{ tháng} = 19.090.000đ$.

Tổng tiền lãi anh Thức phải trả cho ông là 38.582.000đ, trừ đi số tiền lãi anh Thức đã thanh toán 16.700.000đ, số tiền lãi anh Thức còn phải trả là 21.882.000đ.

Cộng tiền nợ gốc và lãi ông yêu cầu anh Thức trả là 121.882.000đ (*Một trăm hai một triệu tám trăm tám hai nghìn đồng*).

[2] Xét số tiền bị đơn vay của nguyên đơn: anh Thức thừa nhận vay ban đầu của ông Thịnh là 200.000.000đ vào 08/6/2022 (dương lịch), thoả thuận về lãi suất

nhưng mỗi tháng anh trả là 13.000.000đ (gồm cả tiền gốc và lãi), thời hạn trả trong vòng 30 tháng. Tuy nhiên, anh đã trả được 27 tháng, chỉ còn nợ ông Thịnh 03 tháng chưa thanh toán. Ông Thịnh khởi kiện yêu cầu anh thanh toán tiền gốc và lãi như đơn khởi kiện cũng như lãi suất phát sinh anh không đồng ý.

[3] Xét việc vay và trả nợ của các đương sự:

Theo nguyên đơn trình bày số tiền gốc anh Thức trả được 100.000.000đ, số tiền còn nợ 100.000.000đ và tiền lãi cũng như lãi suất ông trình bày tại đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại Tòa án; Ông Thịnh đề nghị anh Thức thanh toán tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi: ông Thịnh thay đổi mức lãi suất và thời điểm tính lãi, cụ thể:

+ Số tiền gốc vay 200.000.000đ (tính từ ngày 08/6/2022 đến 31/5/2023) là 11 tháng 22 ngày: $200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11\text{ tháng } 22\text{ ngày} = 19.492.000đ$.

+ Số tiền 100.000.000đ (tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử 08/5/2025) là 23 tháng 07 ngày (tính tròn 23 tháng): $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 23\text{ tháng} = 19.090.000đ$.

Tổng tiền lãi là 38.582.000đ, trừ đi số tiền lãi anh Thức đã thanh toán 16.700.000đ, anh Thức còn phải thanh toán là 21.882.000đ.

Xét việc ông Thịnh thay đổi mức lãi suất từ 1,67%/tháng xuống 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Khi thực hiện vay tiền, hai bên thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ về lãi suất. Quá trình giải quyết, các bên có tranh chấp về lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, buộc anh Thức phải có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc cho ông Thịnh là 100.000.000đ; tiền lãi là 21.882.000đ; tổng cộng: 121.882.000đ (*Một trăm hai một triệu tám trăm tám hai nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Anh Phạm Văn Thức phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (121.882.000đ x 5%) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Thịnh.

Buộc anh Phạm Văn Thức có nghĩa vụ trả nợ cho ông Thịnh số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 21.882.000đ; tổng cộng: 121.882.000đ (*Một trăm hai một triệu tám trăm tám hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Phạm Văn Thức phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 6.094.000đ (Sáu triệu không trăm chín tư nghìn đồng)

3/ Quyền kháng cáo: Ông Thịnh có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Thức có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

